

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/DS-PT
Ngày: 11 - 11 - 2021
V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà
Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Nai xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm
2021 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS -ST ngày 23-3-2021 của Tòa
án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2021/QĐ-PT
ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu Ph, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 56/21, khu phố 2, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư
Nguyễn Ngọc H - Thuộc Công ty Luật hợp danh Quốc V - Đoàn luật sư tỉnh
Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 18/4, khu phố 2,
phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 18/4, khu phố 2, phường
Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: K3/197C, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Chùa H, phường H Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Lê Thị Kim Ng, sinh năm 1959; địa chỉ: 105/3, khu phố 1, đường Trường Chinh, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Lê Phước Ng, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 4/2, khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3.5. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 18/4, khu phố 2, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.6. Chị Lê Thị Thanh Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 18/4, khu phố 2, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt, riêng ông Ng và chị Tr vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Hữu Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên ông Lê Hữu Ph trình bày:***

Cha mẹ ông là cụ Lê Văn B sinh năm 1928 (chết năm 1999) và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1928 (chết năm 1999), cha mẹ ông chết không để lại di chúc cũng không nợ hoặc có nghĩa vụ gì về tài sản với ai. Quá trình chung sống cha mẹ ông sinh được 06 người con gồm: Bà Lê Thị L, sinh năm 1949, bà Lê Thị H, sinh năm 1952, ông Lê Văn H, sinh năm 1954, ông Lê Hữu Ph, sinh năm 1957, bà Lê Thị Kim Ng, sinh năm 1959 và ông Lê Phước Ng, sinh năm 1964. Ông bà nội, ngoại của ông chết trước cha mẹ ông, ngoài ra cha mẹ ông không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng. Khi còn sống, cha mẹ ông tạo lập được các khối tài sản gồm:

+ Thừa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có diện tích 306,3m² và tài sản gắn liền với đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên là của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H. Trong đó: 173,6 m² nằm trong quy hoạch đất ở dự án, 132,7 m² nằm trong quy hoạch đất giao thông. Sau khi đo vẽ thửa đất có thay đổi, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất theo hiện trạng còn lại là 306,3m².

+ Thừa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 228,2 m² và tài sản gắn liền với đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, cấp ngày 05/4/1988 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H.

Và các tài sản khác gồm: 01 chiếc tủ kính gương hình oval; 02 chiếc tủ sách; 01 chiếc tủ đựng chén bát; 01 bộ ván gỗ bằng gỗ đỏ; 02 chiếc tủ quần áo;

01 chiếc tủ gỗ mật; 01 bộ ván lớn và 01 bộ ván nhỏ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần này.

Hiện ông H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất và là người trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản trên.

Ngoài ra, ông không yêu cầu chia thừa kế di sản nào khác trong vụ án này.

Về tỷ lệ, giá trị phân di sản mà mỗi người được hưởng thì yêu cầu Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Ông yêu cầu chia di sản thừa kế bằng giá trị cho tất cả các đồng thừa kế (là phát mãi toàn bộ tài sản thừa kế của cha mẹ để lại chia đều cho các đồng thừa kế). Đối với căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 146 tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì ông không đồng ý thanh toán lại số tiền 256.468.000đồng cho ông H, vì ông H tự ý sửa chữa thay đổi toàn bộ kết cấu căn nhà của cha mẹ để lại mà không thông qua ý kiến của các đồng thừa kế khác.

Đối với công sức bảo quản di sản: Ông không đồng ý thanh toán vì ông H là người ở nhà đất trên và không phải mất tiền thuê nhà.

Ông đồng ý bản đo vẽ hiện trạng nhà đất và chứng thư thẩm định giá của 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

**Bị đơn do bà Lê Thị H1 là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Cha mẹ ông H là cụ Lê Văn B sinh năm 1928 (chết năm 1999) và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1928 (chết năm 1999), cha mẹ ông H có 06 người con như ông Ph đã trình bày. Ông bà nội, ngoại của ông H chết trước cha mẹ ông H, ngoài ra cha mẹ ông H không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

Khi còn sống, cha mẹ ông H tạo lập được các khối tài sản như nguyên đơn đã trình bày.

Nay ông Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, ông H đồng ý. Tuy nhiên, ông H yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán lại cho ông H số tiền 256.000.000 đồng mà vợ chồng ông đã bỏ ra sửa chữa căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông H không yêu cầu các đồng thừa kế khác thanh toán tiền bảo quản di sản thừa kế và không yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài sản đang tranh chấp trên chỉ có vợ chồng ông bà cùng con gái là chị Tr người đang trực tiếp quản lý, sử dụng và ở trên đất, ngoài ra không có ai ở chung.

Đối với bản đo vẽ hiện trạng nhà đất và chứng thư thẩm định giá 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất, bà đồng ý không yêu cầu tiến hành đo vẽ hay thẩm định giá lại.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H và ông Lê Phước Ng trình bày:*

Ông, bà hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của ông Ph, không sửa đổi gì, không yêu cầu độc lập. Nay ông, bà đều có ý kiến như sau:

Về tỷ lệ, giá trị phần di sản mà mỗi người được hưởng thì yêu cầu Tòa án quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Bà H, ông Ng yêu cầu được chia di sản thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nh và tài sản gắn liền với đất. Bà H tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông H. Ông Ng đồng ý thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nh đề nghị Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Ai nhận bằng hiện vật thì có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại bằng tiền.

Đối với giá trị sửa chữa căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bà H, ông Ng đồng ý thanh toán lại số tiền sửa nhà là 256.468.800 đồng cho ông H.

Đối với phần di sản là các vật dụng do cha mẹ các ông, bà để lại: Ông Ng đồng ý giao lại toàn bộ vật dụng lại cho bà Lê Thị H được hưởng theo hiện vật và không yêu cầu bà H phải thanh toán lại giá trị.

Bà Lê Thị H đề nghị được nhận toàn bộ các vật dụng trên và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bà thống nhất với bản đo vẽ hiện trạng nhà đất và chứng thư thẩm định giá của 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và bà Lê Thị Kim Ng trình bày:

Các bà hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của ông Ph, không sửa đổi gì, không yêu cầu độc lập. Nay Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật những di sản do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56 và 146, tờ bản đồ số 08, phường Th, các bà có ý kiến như sau:

Đối với quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nhất, các bà yêu cầu chia cho 03 người là ông Lê Hữu Ph, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Kim Ng, nếu ông Ph được chia di sản bằng hiện vật đối với thửa đất trên thì ông Ph có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch phần thừa kế cho bà L, bà Ng bằng tiền.

Đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, phường Th, các bà đồng ý chia cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị H và ông Lê Phước Ng. Tuy nhiên, hiện tại ông H đang là người quản lý sử dụng căn nhà này nên các bà đồng ý chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông H, ông H có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại bằng tiền.

Đối với phần di sản là các vật dụng do cha mẹ của các bà để lại, các bà không yêu cầu chia. Các bà đồng ý thanh toán lại cho ông H, bà H số tiền 256.468.800 đồng, vì thực tế căn nhà cha mẹ để lại được xây dựng từ lâu và đã

mục nát nên ông H, bà H1 sau khi về ở có sửa chữa lại toàn bộ căn nhà như hiện nay.

Các bà thống nhất với bản đồ vẽ hiện trạng nhà đất và chứng thư thẩm định giá của 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh Tr trình bày:*
Chị là cháu nội của người để lại di sản thừa kế, hiện chị cùng cha mẹ sinh sống trên căn nhà thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, tại phường Thống Nh. Nay ông Lê Hữu Ph khởi kiện ông Lê Văn H yêu cầu chia di sản thừa kế, chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do chị bận đi làm, nên đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS -ST ngày 23-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa căn cứ các Điều 357, 612, 613, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Ph đối với ông Lê Văn H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Chia di sản thừa kế là thửa đất số 56 và 146, tờ bản đồ số 8, tại phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất cho các ông bà Lê Hữu Ph, Lê Văn H, Lê Phước Ng, Lê Thị L, bà Lê Thị H và Lê Thị Kim Ng.

+ Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất. Ông Lê Văn H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin chỉnh lý biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên của mình theo quy định của pháp luật.

+ Chia cho ông Lê Hữu Ph thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B tài sản gắn liền với đất tại phường Thống Nh, thành phố B.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ giao giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có diện tích 306,3m² (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên là của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H) cho ông Lê Hữu Ph để ông Ph liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin chỉnh lý biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên của mình theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đối với các tài sản khác gồm: 01 chiếc tủ kính gương hình oval; 02 chiếc tủ sách;

01 chiếc tủ đựng chén bát; 01 bộ ván gỗ bằng gỗ đỏ; 02 chiếc tủ quần áo; 01 chiếc tủ gỗ mật; 01 bộ ván lớn và 01 bộ ván nhỏ.

+ Ông H có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Ng số tiền là: 828.000.000đồng.

+ Ông Ph có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà L và bà Ng mỗi người 1.297.500.000đồng; ông Ng số tiền 469.500.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/4/2021, nguyên đơn ông Lê Hữu Ph kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông không nhận hiện vật mà yêu cầu chia tiền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Nguyên đơn đã lớn tuổi, có nơi ở ổn định, không có nhu cầu sử dụng nhà đất nên nguyên đơn đề nghị không chia nhà mà xin chia di sản thừa kế bằng tiền.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án:

Do những người thừa kế là bà Lê Thị L, bà Lê Thị Kim Ng, ông Lê Phước Ng cũng như ông Lê Hữu Ph đều có ý kiến xin được chia thừa kế bằng giá trị không ai xin nhận hiện vật vì không có khả năng thanh toán lại phần giá trị chênh lệch cho người khác, nên di sản thừa kế là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 4.326.000.000 đồng, giao cho ông Lê Hữu Ph, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Kim Ng và ông Lê Phước Ng cùng có trách nhiệm bán để chia, ông Lê Hữu Ph, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Kim Ng mỗi người được chia giá trị 1.297.500.000 đồng, ông Lê Phước Ng được chia 469.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Hữu Ph làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Cụ Lê Văn B, sinh năm 1928 (chết năm 1999) và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1928 (chết năm 1999), 02 cụ sinh được 06 người con gồm: Bà Lê Thị L, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H, ông Lê Hữu Ph, bà Lê Thị Kim Ng và ông Lê Phước Ng. Sinh thời các cụ có tạo lập tài sản sau:

- Thừa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có diện tích $306,3m^2$, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên là của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H. Trong đó: $173,6m^2$ nằm trong quy hoạch đất ở dự án, $132,7m^2$ nằm trong quy hoạch đất giao thông. Thời điểm nộp đơn khởi kiện ông Ph yêu cầu chia thửa đất trên có diện tích $431,2m^2$. Tuy nhiên, thửa đất trên nhà nước đã có quyết định thu hồi $135m^2$ đất thuộc dự án nạo vét suối Săn Máu và đã bồi thường số tiền 128.553.000 đồng, số tiền này các đồng thừa kế đều xác định đã chia đều. Hiện nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất trên với diện tích còn lại là $306,3m^2$.

- Thừa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích $228,2 m^2$ và tài sản gắn liền với đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, cấp ngày 05/4/1988 cho cụ Lê Văn B và cụ Nguyễn Thị H.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 56, 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là di sản thừa kế của cụ Lê Văn B và cụ Nguyễn Thị H có giá trị theo kết quả định giá, thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 132/TĐG-CT ngày 19/9/2019 và Chứng thư thẩm định giá số 175/TĐG –CT ngày 24/11/2020 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến tổng giá trị tài sản là 7.785.000.000 đồng, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật mỗi người được hưởng giá trị di sản thừa kế của cụ B và cụ H tương ứng với số tiền 1.297.500.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về cách thức chia:

[3.1] Đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, tại phường Thống Nh, hiện ông H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng, trên đất có các công trình xây dựng do cụ B, cụ H còn sống xây dựng. Quá trình sử dụng đất, ông H cũng đã sửa chữa công trình. Theo chứng thư thẩm định giá thì trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 3.679.468.800 đồng - 256.468.800 đồng (tiền của bị đơn xây, sửa nhà), số tiền còn lại là 3.423.000.000 đồng. Bà H, bà L, bà Ngân và ông Ng đồng ý chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và các công trình gắn liền với đất của thửa đất số 146 cho ông H. Ông H, bà H và ông Ng có nguyện vọng được chia thửa đất 146 cho các ông bà, bà H tặng phần di sản của mình cho ông H. Ông H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền

chênh lệch giá trị di sản cho ông Ng, đây là sự tự nguyện các đương nên ghi nhận. Như vậy, giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 146 là 3.423.000.000 đồng, ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Ng sau khi trừ đi phần của ông H và bà H tặng cho ông H, cụ thể: 3.423.000.000 đồng - 1.297.500.000 đồng x 2 = 828.000.000 đồng.

[3.2] Đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Th trị giá 4.362.000.000 đồng. Ông Ph, bà L và bà Ng đều có yêu cầu xin chia bằng tiền. Xét thấy, thửa đất số 146 đã được giao cho ông H, nên cần giao thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, phường Th cho ông Lê Hữu Ph quản lý sử dụng là phù hợp, ông Ph có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần được chia bằng tiền cho những người còn lại là bà L, bà Ng và ông Ng cụ thể như sau:

4.362.000.000 đồng - 1.297.500.000 đồng là phần của ông Ph, còn lại 3.064.500.000 đồng, ông Ph phải thanh toán cho bà L và bà Ng mỗi người 1.297.500.000 đồng; ông Ng 469.500.000 đồng.

[4] Đối với các tài sản: 01 chiếc tủ kính gương hình oval; 02 chiếc tủ sách; 01 chiếc tủ đựng chén bát; 01 bộ ván gỗ bằng gỗ đỏ; 02 chiếc tủ quần áo; 01 chiếc tủ gỗ mật; 01 bộ ván lớn và 01 bộ ván nhỏ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ph rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định.

[5] Quá trình sử dụng căn nhà nằm trên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, phường Th, ông H đã sửa chữa lại toàn bộ căn nhà với số tiền 256.468.800 đồng, Tòa án sơ thẩm giao cho ông H được sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất thửa số 146 nên các đồng thừa kế khác không phải thanh toán lại khoản tiền sửa chữa cho ông H là phù hợp.

[6] Ông Ph kháng cáo cho rằng ông không có nhu cầu sử dụng đất cũng như ông không có tiền để thanh toán lại cho bà L, ông Ng và bà Ng. Thấy rằng, Tòa án chỉ xác định di sản thừa kế của ông B, bà H và chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo pháp luật, việc phát mãi bán tài sản để chia bằng tiền là giai đoạn của thi hành án sau này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cho ông Ph thửa đất số 146 là đúng quy định, kháng cáo của ông Ph là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 50.925.000 đồng và miễn án phí dân sự sơ thẩm Lê Hữu Ph, bà Lê Thị L, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H, và bà Lê Thị Kim Ng là đúng quy định; về án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của ông Ph không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Ph là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, do vậy miễn án phí cho ông Ph là phù hợp.

[8] Về chi phí tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L, bà H, ông H, bà Ng và ông Ng mỗi người phải chịu 13.888.333 đồng (làm tròn 13.888.000đồng). Các đương sự phải thanh toán lại số tiền trên cho ông Ph là có căn cứ.

[9] Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là không chính xác. Trong vụ án này, các đương sự khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, thời điểm mở thừa kế năm 1999, không phải là giao dịch dân sự. Do vậy phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án mới đúng quy định, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[10] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu Ph.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 23-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ các Điều 634, 674, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Ph về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn B và cụ Nguyễn Thị H.

- Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có diện tích 228,2 m² và tài sản gắn liền với đất.

Theo bản đồ hiện trạng khu đất số 4829/2019 ngày 06/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa.

- Chia cho ông Lê Hữu Ph được quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, phường Thống Nh, thành phố B diện tích 306,3m² và tài sản gắn liền với đất.

Theo bản đồ hiện trạng khu đất số 3885/2020 ngày 18/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa.

Ông Lê Hữu Ph và ông Lê Văn H liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Lê Phước Ng số tiền là: 828.000.000 (tám trăm hai mươi tám triệu) đồng.

Ông Lê Hữu Ph có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Lê Thị L và bà Lê Thị Kim Ng mỗi người 1.297.500.000 (một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; ông Lê Phước Ng số tiền 469.500.000 (bốn trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia các tài sản khác gồm: 01 chiếc tủ kính gương hình oval; 02 chiếc tủ sách; 01 chiếc tủ đựng chén bát; 01 bộ ván gỗ bằng gỗ đỏ; 02 chiếc tủ quần áo; 01 chiếc tủ gỗ mật và 01 bộ ván lớn và 01 bộ ván nhỏ.

3. Về án phí: Ông Lê Phước Ng phải chịu 50.925.000 (năm mươi triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hữu Ph, bà Lê Thị L, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị Kim Ng.

Hoàn trả cho ông Lê Hữu Ph số tiền tạm ứng án phí 5.040.000 (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 007088 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa.

Miễn án phí dân sự thẩm phúc thẩm cho ông Lê Hữu Ph.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn H, ông Lê Phước Ng, bà Lê Thị Kim Ng, bà Lê Thị L và bà Lê Thị H phải hoàn trả cho ông Lê Hữu Ph số tiền chi phí do vẽ, thẩm định giá mỗi người 13.888.000 (mười ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án, nếu những người phải thi hành án chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi cho những người được thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP. Biên Hòa
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Nhung

.

